TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ
Ngày 26-5-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh

Bà Phan Thị Trang Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Anh N, sinh năm 1984 (xin vắng).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 12, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C.

Bị đơn: Ông Trần Tấn D, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Lung Đước, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Anh N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2020 bà Phạm Anh N có tìm hiểu và kết hôn với ông Trần Tấn D. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới, gã theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi thành hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đã được hai bên gia đình hàn gắn. Đến đầu năm 2023 vợ chồng

bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông D không tôn trọng gia đình bên vợ nên vợ chồng bà thường hay cãi nhau. Bà N và ông D sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông D cũng không hàn gắn hôn nhân với bà N.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì không hạnh phúc nên bà Phạm Anh N yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Trần Tấn D:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N yêu cầu ly hôn; Đồng thời Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Bà Phạm Anh N và ông Trần Tấn D vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Anh N yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn D, đây là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông D có nơi cư trú tại khóm 7, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Phạm Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu này của bà N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Trần Tấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 02 tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Tấn D.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Anh N và ông Trần Tấn D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2020. Hôn nhân có tổ chức lễ cưới, gã theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên bất hòa do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông D không tôn trọng gia đình bên vợ. Bà N xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Trong thời gian ly thân hai đương sự vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N và ông D chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của bà N và ông D không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Anh N và ông Trần Tấn D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Anh N và ông Trần Tấn D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà Phạm Anh N phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06 tháng 3 năm 2023, bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0016015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, bà N không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hồng Ngân